

Số: 190/BC-TTHĐND

Điện Biên, ngày 24 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình triển khai, thực hiện Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của HĐND tỉnh Quy định chế độ, chính sách, mức chi bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015, Thường trực HĐND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh kết quả đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND, ngày 10/12/2016 của HĐND Quy định chế độ, chính sách, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Điện Biên, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN

Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND, ngày 10/12/2016 của HĐND tỉnh Quy định chế độ, chính sách, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Điện Biên (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017. Căn cứ các quy định của Nghị quyết, Thường trực HĐND, Lãnh đạo UBND tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đã tổ chức phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện; tiến hành sao gửi văn bản về nội dung, chế độ, chính sách đến đại biểu HĐND, Thường trực HĐND, Lãnh đạo UBND các cấp, các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai thực hiện. Đồng thời, ban hành một số văn bản, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan chuyên môn triển khai xây dựng dự toán, phân bổ, quản lý sử dụng, bổ sung, thanh quyết toán và thực hiện chi trả đầy đủ chế độ, chính sách cho đại biểu HĐND và các hoạt động của HĐND, Tổ đại biểu HĐND.

Khi có quy định khác nhau về chế độ bồi dưỡng, chế độ ăn, nghỉ của đại biểu dự kỳ họp HĐND giữa Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND, Thường trực HĐND tỉnh đã thống nhất thực hiện theo chế độ đặc thù bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp theo quy định tại Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND (tại Thông báo số 87/TB-HĐND, ngày 02/5/2018 của Thường trực HĐND tỉnh).

Công tác giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp theo Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh được Thường trực HĐND các cấp tiến hành định kỳ tại kỳ họp thường lệ cuối năm khi thông qua dự toán kinh phí hoạt động của HĐND năm sau theo quy định. Ngoài ra, có huyện còn thực hiện giám sát chuyên đề về việc triển khai

thực hiện Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND (huyện Mường Nhé) và tổ chức giải trình tại phiên họp của Thường trực HĐND (thành phố Điện Biên Phủ).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Việc thực hiện nguyên tắc chi

HĐND các cấp đã thực hiện đúng nguyên tắc về quản lý chi ngân sách Nhà nước, cấp nào chi trả chế độ, chính sách theo hoạt động của cấp đó, chi theo kế hoạch, dự toán đã được phê duyệt, chi đúng định mức, đúng chế độ, đúng đối tượng bảo đảm hoạt động của HĐND theo quy định tại Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Đã có sự phối hợp giữa HĐND các cấp trong việc triển khai thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh.

Ngoài ra, đại biểu HĐND các cấp, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tham gia các hoạt động của HĐND được thanh toán tiền công tác phí, các khoản chi khác theo quy định tại Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND từ nguồn kinh phí hoạt động của HĐND do HĐND cấp triệu tập, mời chi trả. Các chế độ chi khác cho đại biểu HĐND hoạt động không chuyên trách do cơ quan, tổ chức, đơn vị mà đại biểu đang làm việc chi trả, theo đúng quy định.

2. Kết quả thực hiện các nội dung chi, mức chi

Tổng kinh phí chi cho các hoạt động của HĐND các cấp trong giai đoạn 2017-2021 là 138.183,622 triệu đồng, trong đó:

- Tổng chi của HĐND cấp tỉnh là: 12.057,919 triệu đồng, cụ thể:
 - + Năm 2017: 2.400,040 triệu đồng;
 - + Năm 2018: 2.339,828 triệu đồng;
 - + Năm 2019: 2.402,371 triệu đồng;
 - + Năm 2020: 2.365,680 triệu đồng;
 - + Năm 2021: 2.550,000 triệu đồng.
- Tổng chi của HĐND cấp huyện là: 33.290,305 triệu đồng, cụ thể:
 - + Năm 2017: 6.715,683 triệu đồng;
 - + Năm 2018: 6.048,642 triệu đồng;
 - + Năm 2019: 6.945,840 triệu đồng;
 - + Năm 2020: 6.254,372 triệu đồng;
 - + Năm 2021: 7.325,768 triệu đồng.
- Tổng chi của HĐND cấp xã là: 92.835,398 triệu đồng, cụ thể:
 - + Năm 2017: 17.734,231 triệu đồng;
 - + Năm 2018: 18.048,713 triệu đồng;
 - + Năm 2019: 20.006,899 triệu đồng;
 - + Năm 2020: 20.127,722 triệu đồng;

+ Năm 2021: 16.917,833 triệu đồng.

Việc thực hiện nội dung, định mức, đối tượng chi đã tuân thủ theo đúng quy định, kịp thời, bảo đảm các điều kiện cho HĐND các cấp thực hiện các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HĐND trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, qua rà soát, tổng hợp thì có một số nội dung chi đã được quy định cụ thể tại Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND, nhưng có HĐND cấp huyện, cấp xã không thực hiện, như: hoạt động giám sát thường xuyên; bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đại biểu; viết bài tham luận; báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu HĐND tại kỳ họp; chi cho các Ban phối hợp thẩm tra báo cáo, đề án và dự thảo nghị quyết; chi cho nhân viên phục vụ trong hoạt động giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả tiếp xúc cử tri của Thường trực HĐND; khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ đại biểu HĐND; hoạt động văn hóa, thể thao các ngày lễ trong năm,...

(Chi tiết như Biểu 01 kèm theo Báo cáo này)

3. Một số vướng mắc, bất cập, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai, thực hiện Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND vẫn còn một số vướng mắc, bất cập, hạn chế, cụ thể như sau:

3.1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết đã được sửa đổi, bổ sung.

3.2. Trong tổ chức thực hiện

Năng lực quản lý, điều hành ngân sách của một số chủ tài khoản cấp xã còn hạn chế, hiểu chưa đầy đủ về nguyên tắc chi nên còn lúng túng khi lập dự toán, chưa chủ động điều chỉnh tăng, giảm khi thực hiện các nhiệm vụ chi dẫn tới việc phải chuyển nguồn chi thường xuyên sang năm sau trong khi một số chế độ lại không chi cho đại biểu.

Một số xã còn lúng túng trong áp dụng các chế độ giữa áp dụng chế độ giữa Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 Quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Trong khi, Thường trực HĐND tỉnh đã ban hành Thông báo số 87/TB-HĐND ngày 02/5/2018, thống nhất áp dụng chế độ bồi dưỡng kỳ họp, hội nghị của HĐND, chế độ ăn, nghỉ (*cho cả đại biểu và khách mời*) theo quy định tại Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND.

3.3. Các chế độ, chính sách do Nghị quyết ban hành

Qua rà soát, đánh giá cho thấy một số nội dung chi, mức chi thấp so với tình hình biến động của giá cả thị trường hiện nay (chỉ số giá tiêu dùng tính đến tháng 6 năm 2022 tăng 22,98% so với năm 2016), không còn phù hợp với thực tế hoạt động, gây khó khăn cho việc thực hiện như: chế độ hỗ trợ ăn, nghỉ cho đại biểu HĐND và đại biểu mời dự kỳ họp; khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ đại biểu HĐND; hỗ trợ tiếp xúc cử tri; hỗ trợ hoạt động giám sát; công tác

xây dựng, thẩm tra Báo cáo, Đề án và dự thảo nghị quyết; may lễ phục; hoạt động văn hóa, thể thao các ngày lễ trong năm;...

Một số nội dung chưa được quy định tại Nghị quyết như: hoạt động khảo sát; hoạt động chất vấn, giải trình tại phiên họp của Thường trực HĐND; bồi dưỡng Chủ tọa, thư ký kỳ họp HĐND, Hội nghị Thường trực HĐND; xây dựng báo cáo, văn bản của kỳ họp HĐND; đại diện Ủy ban MTTQ chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri;... Hơn nữa, việc ban hành chế độ chi cho HĐND cấp huyện, cấp xã theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 cần có ý kiến thống nhất của UBND tỉnh và các ngành chức năng.

III. NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để kịp thời giải quyết những khó khăn, bất cập khi triển khai, thực hiện Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND cho phù hợp với tình hình thực tế. Cụ thể:

1. Kiến nghị sửa đổi, điều chỉnh chế độ, chính sách

Đề nghị HĐND tỉnh sửa đổi, điều chỉnh tăng định mức hỗ trợ bữa ăn cho đại biểu HĐND và đại biểu mời ở xa trên 10km; hỗ trợ kinh phí chi cho hoạt động văn hoá, thể dục thể thao các ngày lễ trong năm; hỗ trợ tiếp xúc cử tri thường xuyên cho các đại biểu HĐND; soạn thảo Quyết định, kế hoạch, đề cương giám sát; định mức may trang phục và khám, chăm sóc sức khỏe đại biểu HĐND 3 cấp tỉnh, huyện, xã bằng nhau, ...

2. Đề xuất bổ sung chế độ, chính sách

Đề nghị HĐND tỉnh bổ sung thêm một số chế độ, chính sách chưa được quy định tại Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND nhằm nâng cao kỹ năng, phương pháp hoạt động của đại biểu HĐND như: bồi dưỡng Chủ tọa, thư ký kỳ họp HĐND, Hội nghị Thường trực HĐND; xây dựng báo cáo, văn bản của kỳ họp HĐND; hoạt động khảo sát; hoạt động chất vấn, giải trình tại phiên họp của Thường trực HĐND;...

(Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo Báo cáo này).

Trên đây là Báo cáo đánh giá tình hình triển khai, thực hiện Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của HĐND tỉnh Quy định chế độ, chính sách, mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Điện Biên. Thường trực HĐND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu QH, đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐ, CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
CHỦ TỊCH**



Lò Văn Phương

**TỔNG HỢP NỘI DUNG ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG NGHỊ QUYẾT SỐ 48/2016/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2016 CỦA HĐND TỈNH ĐIỆN BIÊN
NHƯNG MỘT SỐ CẤP HUYỆN, CẤP XÃ KHÔNG THỰC HIỆN CHỈ**

(Kèm theo Báo cáo số: 190/BC-TTHĐND ngày 24/10/2022 của Thường trực HĐND tỉnh)

STT	Nội dung chỉ theo Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của HĐND tỉnh Điện Biên	Các nội dung không được thực hiện chỉ ở một số huyện, xã				Ghi chú
		Cấp huyện		Cấp xã		
		Số huyện huyện	Danh sách cụ thể	Số xã, thị trấn, phường	Danh sách cụ thể	
1	2	3	4	5	6	7
I	Kỳ họp, hội nghị					
1	Chi bồi dưỡng kỳ họp, hội nghị của HĐND					
1.1	Đại biểu HĐND, thành phần mời dự kỳ họp, hội nghị					
1.2	Nhân viên phục vụ					
2	Chế độ ăn, nghỉ.					
2.1	Chi hỗ trợ tiền ăn, nghỉ cho các đại biểu HĐND khi đăng ký ăn, nghỉ; đại biểu không đăng ký ăn, nghỉ không được thanh toán.					
2.2	Đại biểu mời ở xa trên 10 km được BTC bố trí ăn, nghỉ tại Nhà khách, khách sạn (như chế độ của đại biểu HĐND).	1	Huyện Mường Nhé	11	Các xã thuộc huyện: Mường Nhé	
3	Chi công tác xây dựng, thẩm tra Báo cáo, Đề án và dự thảo nghị quyết					
3.1	Xây dựng dự thảo nghị quyết do Thường trực HĐND trình tại kỳ họp (không phải văn bản QPPL)	1	Huyện Mường Nhé			
3.2	Chi cho các Ban nghiên cứu, soạn thảo báo cáo, thẩm tra báo cáo, đề án và dự thảo nghị quyết.					
3.3	Chi cho các Ban phối hợp thẩm tra Báo cáo, Đề án và dự thảo Nghị quyết	1	Huyện Nậm Pồ			
3.4	Các Ban giải trình, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Nghị quyết trước khi trình HĐND biểu quyết	1	Huyện Nậm Pồ	26	Các xã thuộc huyện: Mường Ảng; Điện Biên (trừ các xã: Thanh Luông, Noong Luông, Thanh Nưa, Mường Nhà, Poom Lót)	
4	Thảo luận của các Tổ đại biểu HĐND tại kỳ họp					
-	Báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu HĐND tại kỳ họp	2	Mường Ảng; Mường Nhé	18	Các xã, phường thuộc: thị xã Mường Lay, Điện Biên (trừ các xã: Thanh Luông, Mường Pôn, Noong Hẹt, Poom Lót, Thanh Nưa, Hẹ Muông)	
5	Viết bài tham luận	3	Các huyện: Mường Ảng, Mường Lay, Điện Biên Đông	48	Các xã thuộc các huyện: Điện Biên, Mường Ảng, Mường Lay, Điện Biên Đông	
5.1	Viết bài, tham luận của người có kinh nghiệm trong các lĩnh vực phục vụ hoạt động của HĐND (khi Thường trực HĐND, Lãnh đạo các Ban HĐND đặt bài tham luận).					
5.2	Viết bài tham luận cấp khu vực					
5.3	Viết bài tham luận hai cấp tỉnh - huyện					
5.4	Viết bài tham luận hai cấp huyện - xã					
II	Hoạt động giám sát					
1	Đối với giám sát chuyên đề					

STT	Nội dung chi theo Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của HĐND tỉnh Điện Biên	Các nội dung không được thực hiện chi ở một số huyện, xã				Ghi chú
		Cấp huyện		Cấp xã		
		Số huyện huyện	Danh sách cụ thể	Số xã, thị trấn, phường	Danh sách cụ thể	
1	2	3	4	5	6	7
1.1	Soạn thảo Quyết định, kế hoạch, đề cương giám sát					
1.2	Soạn thảo, hoàn thiện Báo cáo kết quả giám sát					
2	Đối với giám sát thường xuyên.	5	Các huyện: Mường Ảng, thị xã Mường Lay, Nậm Pồ, Mường Nhé, Điện Biên Đông	17	Các xã thuộc các huyện: Điện Biên (trừ các xã: Hua Thanh, Pa Thơm, Hẹ Muông, Thanh Chấn)	
2.1	Soạn thảo kế hoạch, đề cương giám sát				Các xã thuộc các huyện: Mường Ảng	
2.2	Soạn thảo, hoàn thiện Báo cáo kết quả giám sát					
3	Chi bồi dưỡng					
3.1	Đại biểu HĐND, Thành viên chính thức của Đoàn giám sát.					
3.2	Nhân viên phục vụ	2	Các huyện: Mường Ảng, Mường Chà			
III	Hoạt động tiếp xúc cử tri					
1	Chi hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri (trường hợp có sự phối hợp TXCT nhiều cấp tại một điểm thì hỗ trợ mức chi của HĐND cấp cao nhất. (chi áp dụng cho các tổ đại biểu tiếp xúc cử tri theo chương trình phối hợp với UBMT TQ các cấp)					
2	Chi bồi dưỡng					
2.1	Đại biểu HĐND					
2.2	Nhân viên phục vụ	1	Huyện Mường Ảng			
3	Báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri					
3.1	Báo cáo của Tổ đại biểu					
3.2	Báo cáo tổng hợp kết quả tiếp xúc cử tri của Thường trực HĐND.	2	Các huyện: Nậm Pồ, Mường Nhé	11	Các xã thuộc các huyện: Mường Nhé	
4	Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri thường xuyên cho các đại biểu HĐND			19	Các xã, thị trấn thuộc huyện Tuần Giáo	
IV	Chi nghiên cứu tài liệu phục vụ hoạt động của HĐND của Đại biểu HĐND			19	Các xã, thị trấn thuộc huyện Tuần Giáo	
V	Chi bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đại biểu (chi được thanh toán khi có kế hoạch bồi dưỡng)	4	Các huyện Mường Ảng, thị xã Mường Lay, Nậm Pồ, Mường Nhé	42	Các xã thuộc các huyện: Mường Ảng, thị xã Mường Lay, Nậm Pồ, Điện Biên Đông	
VI	Chi may lễ phục (mỗi nhiệm kỳ 02 bộ)					
1	Đại biểu HĐND (đại biểu tham gia HĐND 2 cấp thì được thanh toán một cấp có mức chi cao hơn)					
2	Công chức Văn phòng phục vụ trực tiếp	1	Huyện Mường Ảng,			
3	Đối với đại biểu HĐND không lương được hỗ trợ thêm tiền may lễ phục.	2	Các huyện: Mường Ảng, Mường Nhé			
VII	Chi khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ đại biểu HĐND. (đại biểu HĐND tham gia 2 cấp thì được thanh toán một cấp có mức chi cao hơn)	1	Thị xã Mường Lay	22	Các xã, phường, thị trấn thuộc thị xã Mường Lay, huyện Tuần Giáo	

STT	Nội dung chi theo Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của HĐND tỉnh Điện Biên	Các nội dung không được thực hiện chi ở một số huyện, xã				Ghi chú
		Cấp huyện		Cấp xã		
		Số huyện huyện	Danh sách cụ thể	Số xã, thị trấn, phường	Danh sách cụ thể	
1	2	3	4	5	6	7
VIII	Kinh phí cho các hoạt động văn hóa, thể thao các ngày lễ trong năm	4	Các huyện: Điện Biên, Mường Ảng, Mường Nhé, thị xã Mường Lay	73	Các xã thuộc các huyện: Mường Ảng, Nậm Pồ, Mường Nhé, Điện Biên (trừ xã Hẹ Muông), thị xã Mường Lay, Điện Biên Đông	
IX	Chi hỗ trợ thông tin					
	Các đại biểu HĐND được cung cấp báo chí, khai thác Internet theo hình thức khoán (đại biểu tham gia HĐND 2 cấp thì được thanh toán một cấp có mức chi cao hơn)			19	Các xã, thị trấn thuộc huyện Tuần Giáo	

TỔNG HỢP ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH, MỨC CHI BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Báo cáo số: 190/BC- TTHĐND ngày 24/10/2022 của Thường trực HĐND tỉnh)

ST T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo NQ số 48/2016/NQ-HĐND			Đề xuất điều chỉnh, bổ sung			So sánh với mức chi của Quốc hội và một số tỉnh có điều kiện tương tự ¹				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Mức đề nghị mới			Mức chi của QH, UBND Quốc hội, HĐND, các UBND, ...	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
						Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã					
I	Kỳ họp HĐND												
1	Chi bồi dưỡng kỳ họp của HĐND												
1.1	Đại biểu HĐND, thành phần mời dự kỳ họp ²	Đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000	150.000	100.000	70.000	150.000	100.000-200.000	100.000-150.000	70.000-100.000	Đại biểu mời dự thính Kỳ họp QH là 100.000/người/buổi
1.2	Nhân viên phục vụ	Đồng/người/buổi	70.000	50.000	30.000	100.000	70.000	50.000	100.000	100.000-150.000	70.000-100.000	50.000-70.000	
1.3	Các nội dung đề nghị bổ sung												
	- Chủ tọa kỳ họp	Đồng/người/buổi	Chưa quy định			Mức chi bằng 2 lần Đại biểu HĐND, thành phần mời dự kỳ họp							
	- Thư ký kỳ họp		Chưa quy định			Mức chi bằng 1,5 lần Đại biểu HĐND, thành phần mời dự kỳ họp							
2	Chế độ ăn, nghỉ												
	Chi hỗ trợ tiền ăn, nghỉ cho các đại biểu HĐND, đại biểu mời ở xa trên 10km khi đăng ký ăn, nghỉ; đại biểu không đăng ký ăn, nghỉ không được thanh toán.												
-	Chi hỗ trợ tiền ăn cho các đại biểu HĐND và đại biểu mời dự kỳ họp ³	Đồng/người/ngày	200.000	150.000	100.000	300.000	200.000	150.000	300.000	250.000-400.000	150.000-200.000	140.000-150.000	
-	Chi hỗ trợ tiền nghỉ cho các đại biểu HĐND và đại biểu mời dự kỳ họp					Mức chi tiền phòng nghỉ thực hiện theo khoản 3, Điều 7, Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính			Theo khoản 3, Điều 7, Thông tư số 40/2017	Theo quy định hiện hành của nhà nước			
-	Đề nghị bổ sung mới												
	Hỗ trợ tiền ăn bữa tổng kết kỳ họp (Nếu có)	Đồng/người	Chưa quy định			Mức chi bằng mức chi 1 ngày hỗ trợ tiền ăn cho các đại biểu HĐND và đại biểu mời dự kỳ họp							

¹ Ghi chú: Nếu Kỳ họp HĐND, Hội nghị của Thường trực HĐND diễn ra trong ngày nghỉ, ngày lễ thì mức chi bồi dưỡng bằng 200% mức chi trong ngày thường

² Sơn La, Lào Cai, Hòa Bình, Nghệ An.....(mới ban hành năm 2021).

³ Các tỉnh tách riêng chủ tọa, thư ký, đại biểu (chủ tọa, thư ký mức cao nhất là 500k và 300k); một số tỉnh không chỉ cho đại biểu chỉ cho chủ tọa và thư ký (Hòa Bình, Nghệ An); có tỉnh không có nội dung chi này (Lào Cai)

⁴ Nghệ An quy định cụ thể cho cán bộ, chuyên viên trực tiếp phục vụ; lái xe và lực lượng phục vụ gián tiếp.

ST T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo NQ số 48/2016/NQ-HĐND			Đề xuất điều chỉnh, bổ sung			So sánh với mức chi của Quốc hội và một số tỉnh có điều kiện tương tự ¹				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Mức đề nghị mới			Mức chi của QH, UBND Quốc hội, HĐND, các UBND, ...	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
						Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã					
3	Chi công tác xây dựng, thẩm tra Báo cáo, Đề án và dự thảo nghị quyết												
3.1	Xây dựng dự thảo nghị quyết do Thường trực HĐND trình tại kỳ họp (không phải văn bản QPPL).												
	- Đối với dự thảo Nghị quyết được xây dựng mới, thay thế	Đồng/nghị quyết	1.500.000	1.000.000	700.000	2.000.000	1.500.000	1.000.000		2.000.000-2.500.000	1.000.000- - 1.500.000	500.000- - 1.000.000 0	
	- Đối với dự thảo Nghị được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, bãi bỏ.	Đồng/nghị quyết	1.500.000	1.000.000	700.000	1.500.000	1.000.000	700.000		2.000.000-2.500.000	1.000.000- - 1.500.000	500.000- - 1.000.000 0	
3.2	Chi cho các Ban thẩm tra Báo cáo, Đề án và dự thảo Nghị quyết												
	- Đối với Báo cáo, Đề án, dự thảo Nghị quyết được xây dựng mới, thay thế.	Đồng/báo cáo thẩm tra	1.500.000	1.000.000	700.000	2.000.000	1.500.000	1.000.000	4.500.000-7.500.000	500.000-3.000.000	300.000-1.500.000	100.000-350.000	
	- Đối với Báo cáo, Đề án, dự thảo Nghị được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, bãi bỏ.		1.500.000	1.000.000	700.000	1.500.000	1.000.000	700.000	3.600.000-6.000.000	2.000.000-2.500.000	1.000.000- - 1.500.000	500.000- - 1.000.000 0	
3.3	Chi cho các Ban phối hợp thẩm tra Báo cáo, Đề án và dự thảo Nghị quyết ⁴												
	- Đối với Báo cáo, Đề án, dự thảo Nghị quyết được xây dựng mới, thay thế	Đồng/báo cáo	750.000	500.000	Chưa quy định	750.000	500.000	350.000	Bằng 50% mức chi cơ quan chủ trì				Bổ sung cho cấp xã; cấp tỉnh, cấp huyện đã được quy định tại NQ số 48/2016
	- Đối với Báo cáo, Đề án, dự thảo Nghị được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, bãi bỏ.	Đồng/báo cáo	750.000	500.000	Chưa quy định	750.000	500.000	350.000					
3.4	Các Ban giải trình, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Nghị quyết trước khi trình HĐND biểu quyết	Đồng/nghị quyết	700.000	500.000	350.000	700.000	500.000	350.000	Bằng mức chi thẩm tra	300.000-2.000.000	200.000-800.000	100.000- - 150.000	

⁴ Các tỉnh không tách riêng cho các Ban phối hợp.

ST T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo NQ số 48/2016/NQ-HĐND			Đề xuất điều chỉnh, bổ sung			So sánh với mức chi của Quốc hội và một số tỉnh có điều kiện tương tự ¹				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Mức đề nghị mới			Mức chi của QH, UBND Quốc hội, HĐND, các UBND, ...	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
						Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã					
3.5	- Đề nghị bổ sung: Báo cáo của Thường trực giải trình, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Nghị quyết trước khi trình HĐND biểu quyết	Đồng/văn bản	Chưa Quy định			700.000	500.000	350.000	Bằng mức chi thẩm tra	300.000-2.000.000	200.000-1000.000	100.000 - 500.000	
4	Thảo luận của các Tổ đại biểu HĐND tại kỳ họp												
-	Báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu HĐND tại kỳ họp	Đồng/báo cáo	500.000	350.000	250.000	500.000	350.000	250.000	3.000.000	150.000-2.000.000	100.000-1000.000	70.00-500.000	
5	Đề nghị bổ sung nội dung: xây dựng báo cáo, văn bản của kỳ họp												
5.1	- Biên bản kỳ họp	Đồng/văn bản	Chưa Quy định			1.000.000	700.000	500.000	3.000.000				
5.2	- Đề cương Báo cáo kết quả kỳ họp phục vụ đại biểu tiếp xúc cử tri	Đồng/văn bản	Chưa Quy định			500.000	350.000	250.000	3.000.000	2.000.000	1.000.000	500.000	
5.3	Báo cáo đánh giá kết quả kỳ họp	Đồng/văn bản	Chưa Quy định			500.000	350.000	250.000	3.000.000	2.000.000	1.000.000	500.000	
II.	Hội nghị của Thường trực HĐND												
1	Chi bồi dưỡng hội nghị của Thường trực HĐND												
1.1	Đại biểu HĐND, thành phần mời dự hội nghị	Đồng/người/ buổi	100.000	70.000	50.000	150.000	100.000	70.000		100.000-200.000	100.000-150.000	70.000-100.000	
1.2	Nhân viên phục vụ	Đồng/người/ buổi	70.000	50.000	30.000	100.000	70.000	50.000		100.000-150.000	70.000-100.000	50.000-70.000	
1.3	Các nội dung đề nghị bổ sung:												
-	Chủ tọa Hội nghị	Đồng/người/ buổi	Chưa Quy định			Mức chi bằng 2 lần Đại biểu HĐND, thành phần mời dự kỳ họp							
-	Báo cáo kết quả, Kết luận Hội nghị	Đồng/văn bản	Chưa quy định			1.000.000	700.000	500.000					

[illegible]

ST T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo NQ số 48/2016/NQ-HĐND			Đề xuất điều chỉnh, bổ sung			So sánh với mức chi của Quốc hội và một số tỉnh có điều kiện tương tự ¹				Ghi chú	
						Mức đề nghị mới								
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Mức chi của QH, UBND Quốc hội, HĐND, các UBND, ...	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		
III	Hoạt động giám sát, khảo sát													
1	Chi xây dựng văn bản													
-	Soạn thảo Quyết định, kế hoạch, đề cương giám sát	Đồng/cuộc	500.000	350.000	250.000	1.000.000	700.000	500.000	1.200.000-2.000.000	500.000-2.000.000	300.000-1.500.00	200.000 - 1.000.000	QH, UBNDTVQH tách riêng việc thành lập đoàn (bao gồm kế hoạch và nội dung giám sát) và xây dựng đề cương.	
-	Soạn thảo, hoàn thiện Báo cáo kết quả giám sát	Đồng/cuộc	700.000	500.000	350.000	1.500.000	1.000.000	700.000	Từ 1.200.000-2.000.000/báo cáo cho từng đợt; từ 4.500.000-7.500.000/báo cáo chung	500.000-2.500.000	300.000-2.000.000	200.000 - 1.500.000	Mức chi cho các cơ quan thuộc Quốc hội, các Đoàn ĐBQH bằng 60% định mức chi cho QH và UBNDTVQH	
2	Chi bồi dưỡng giám sát													
-	Đại biểu HĐND, Thành viên chính thức của Đoàn giám sát.	Đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000	150.000	100.000	70.000	200.000 ⁵	100.000-200.00	100.000-150.000	70.000-1000		
-	Nhân viên phục vụ Đoàn giám sát	Đồng/người/buổi	70.000	50.000	35.000	100.000	70.000	50.000	80.000	70.000-100.000	50.000-80.000	50.000-70.000		
3	Các nội dung đề nghị bổ sung													
3.1	Chi bồi dưỡng giám sát, khảo sát													
-	Trưởng đoàn, Phó đoàn giám sát, khảo sát	Đồng/người/buổi	Chưa Quy định			200.000	150.000	100.000	200.000	200.000	150.000	100.000		

⁵ Ngoài chế độ công tác phí theo quy định; tách riêng trưởng đoàn 200.000; thành viên đoàn 100.000/người/buổi.

ST T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo NQ số 48/2016/NQ-HĐND			Đề xuất điều chỉnh, bổ sung			So sánh với mức chi của Quốc hội và một số tỉnh có điều kiện tương tự ¹				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Mức đề nghị mới			Mức chi của QH, UBNDTV Quốc hội, HĐND, các UBND, ...	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
-	Đại biểu HĐND, Thành viên chính thức của Đoàn khảo sát	Đồng/người/buổi	Chưa Quy định			150.000	100.000	70.000	100.000	100.000-150.00	100.000	70.000	
-	Nhân viên phục vụ Đoàn khảo sát (Phóng viên, lái xe)	Đồng/người/buổi	Chưa Quy định			100.000	70.000	50.000	80.000	80.000-100.00	70.000	50.000	
3.2	Chi xây dựng văn bản khảo sát												
-	Chi xây dựng kế hoạch, quyết định thành lập đoàn khảo sát, đề cương khảo sát; báo cáo kết quả khảo sát.	Đồng/cuộc	Chưa quy định			700.000	500.000	350.000	1.200.000-5.000.000	500.000-1.000.000	300.000	200.000	QH, UBNDTVQH và một số tỉnh tách riêng mức chi cho từng loại văn bản
3.3	Chi hoạt động chất vấn, giải trình tại Phiên họp của Thường trực HĐND												
-	Xây dựng kế hoạch phiên giải trình, chất vấn	Đồng/văn bản	Chưa Quy định			500.000	350.000	250.000	1.000.000 ⁶ -2.000.000	1.000.000	700.000	500.000	
-	Xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả giải trình, chất vấn	Đồng/văn bản	Chưa Quy định			500.000	350.000	250.000	1.2000.000-3.000.000 ⁷	2.000.000	1.500.000	1.000.000	
-	Chi xây dựng nghị quyết hoặc kết luận phiên chất vấn, giải trình	Đồng/văn bản	Chưa Quy định			500.000	350.000	250.000	5.000.000				
IV	Hoạt động tiếp xúc cử tri												
1	Chi hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri (trường hợp có sự phối hợp TXCT nhiều cấp tại một điểm thì hỗ trợ mức chi của HĐND cấp cao nhất. (chỉ áp dụng cho các tổ đại biểu tiếp xúc cử tri theo chương trình phối hợp	Đồng/điểm	1.500.000	1.000.000	700.000	2.000.000	1.500.000	1000.000	Tối đa không quá 5000.000 đồng/điểm	1.300.000-4.000.000	1.000.000-1.500.000	300.000-500.000	

⁶ Chỉ cho giải trình.⁷ Chỉ cho giải trình.

ST T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo NQ số 48/2016/NQ-HĐND			Đề xuất điều chỉnh, bổ sung			So sánh với mức chi của Quốc hội và một số tỉnh có điều kiện tương tự ¹				Ghi chú	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Mức đề nghị mới			Mức chi của QH, UBND Quốc hội, HĐND, các UBND, ...	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		
						Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã						
	với UBND TQ các cấp)													
2	Chi bồi dưỡng													
	Đại biểu HĐND	Đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000	150.000	100.000	70.000	7.000.000 đồng/đại biểu/năm	100.000-200.000	100.000-150.00	50.000-100.000		
	Nhân viên phục vụ	Đồng/người/buổi	70.000	50.000	35.000	100.000	70.000	50.000	500.000 đồng/đợt tiếp xúc	70.000-100.00	50.000-70.00	50.000		
3	Báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri													
-	Báo cáo của Tổ đại biểu	Đồng/báo cáo	200.000	150.000	không quy định	200.000	150.000	không đề xuất	300.000 đồng/báo cáo của nhóm	150.000-500.000	100.000-300.000	70.000-200.000		
-	Báo cáo tổng hợp kết quả tiếp xúc cử tri của Thường trực HĐND.	Đồng/báo cáo	500.000	350.000	250.000	500.000	350.000	250.000	500.000 đồng/báo cáo của Đoàn	500.000-2.000.000	350.000-700.000	250.000 - 300.000		
4	Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri thường xuyên cho các đại biểu HĐND	Đồng/tháng	100.000	70.000	50.000	300.000	200.000	150.000		100.000-250.000	70.000-100.000	50.000-70.000		
V	Chi nghiên cứu tài liệu phục vụ hoạt động của HĐND của Đại biểu HĐND	Đồng/người/tháng	200.000	150.000	100.000	300.000	200.000	150.000		70.000-200.000	50.000-150.000	20.000-100.000		
VI	Chi may lễ phục ⁸													
1	Đại biểu HĐND (02 bộ/nhiệm kỳ, đại biểu tham gia HĐND 2 cấp thì được thanh toán một cấp có mức chi cao hơn)	Đồng/người/bộ	2.500.000	1.800.000	1.300.000	5.000.000	Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Thường trực HĐND cấp huyện xem xét quyết định mức chi may trang phục cho đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã, công chức văn phòng phục vụ trực tiếp bảo đảm theo quy định và mức tối đa không cao hơn cấp tỉnh.			5.000.000	2.500.000-5000.000	2.000.000-4000.000	1.500.000 0-3.000.000 0	
2	Công chức Văn phòng phục vụ trực tiếp (01 bộ/nhiệm kỳ)	Đồng/người/bộ	1.500.000	1.050.000	750.000	5.000.000				5.000.000	2.000.000-4000.000	1.500.000-3000.000	1.000.000 - 2.000.000 0	

ST T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo NQ số 48/2016/NQ- HĐND			Đề xuất điều chỉnh, bổ sung Mức đề nghị mới			So sánh với mức chi của Quốc hội và một số tỉnh có điều kiện tương tự ¹				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Mức chi của QH, UBND Quốc hội, HĐDT, các UBND, ...	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
VII	Chi hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ đại biểu HĐND (đại biểu HĐND tham gia 2 cấp thì được thanh toán một cấp có mức chi cao hơn)	Đồng/người/năm	2.000.000	1.050.000	750.000	2.500.000	1.500.000	1.000.000	5.000.000	1.000.000-3.000.000	700.000-1.500.000	300.000-1.000.000	
VIII	Kinh phí cho các hoạt động văn hóa, thể thao các ngày lễ trong năm	Tổng kinh phí được cấp	0,1%	0,1%	0,1%	0,3%	0,3%	0,3%	0,3-0,5%				
IX	Chi hỗ trợ thông tin												
	Các đại biểu HĐND được cung cấp báo chí, khai thác Internet theo hình thức khoán (đại biểu tham gia HĐND 2 cấp thì được thanh toán một cấp có mức chi cao hơn)	Đồng/đại biểu/tháng	350.000	250.000	180.000	350.000	250.000	180.000	1.000.000	100.000-700.000	100.000-300.000	30.000-200.000	
X	Thăm hỏi đại biểu và thân nhân của đại biểu HĐND; chi công tác xã hội												
1	Đại biểu HĐND												
-	Ôm phải điều trị nội trú tại bệnh viện, khi Thường trực HĐND đến thăm (1 năm không quá 2 lần)	Đồng/người	500.000	350.000	200.000	1.000.000	700.000	500.000	2.000.000	500.000-3.000.000	500.000-1.500.000	300.000-1.000.000	
-	Mắc bệnh hiểm nghèo (1 năm không quá 2 lần)	Đồng/người	1.000.000	700.000	500.000	2.000.000	1.500.000	1.000.000	8.000.000 đồng/người/lần	1.000.000-5.000.000	500.000-3.500.000	300.000-2.500.000	
-	Từ trần (Đại biểu nguyên chức và đương chức)	Đồng/người	1.500.000	1.000.000	700.000	1.500.000	1.000.000	700.000	3.000.000	1.000.000-3.000.000	700.000-2.000.000	500.000-1.500.000	
2	Thân nhân của đại biểu HĐND từ trần												
-	Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng), con.	Đồng/người	1.000.000	700.000	500.000	1.500.000	1.000.000	700.000	3.000.000	1.000.000-2.000.000	500.000-1.500.000	300.000-1.000.000	

ST T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo NQ số 48/2016/NQ-HĐND			Đề xuất điều chỉnh, bổ sung			So sánh với mức chi của Quốc hội và một số tỉnh có điều kiện tương tự ¹				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Mức đề nghị mới			Mức chi của QH, UBTV Quốc hội, HĐND, các UBQH, ...	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
												0	
3.	Tặng quà đối với các đối tượng chính sách; tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu và lao động; các tập thể thuộc diện chính sách - xã hội (trại điều dưỡng, Làng SOS, Trung tâm Bảo trợ xã hội, Trường Dân tộc nội trú, Đoàn biên phòng.....); tập thể, cá nhân gặp thiên tai, hỏa hoạn												
-	Chủ tịch, phó Chủ tịch HĐND tặng quà cho tập thể mức cao nhất không quá	Đồng/lần	3.000.000	2.000.000	1.500.000	3.000.000	2.000.000	1.500.000	3.000.000-10.000.000 ⁹	1.000.000-5.000.000	1.000.000-5.000.000	500.000-5.000.000	
-	Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND tặng quà cho cá nhân mức cao nhất không quá	Đồng /lần	1.000.000	700.000	500.000	1.000.000	700.000	500.000	1.000.000-2.000.000 ¹⁰	500.000-2.000.000	300.000-2.000.000	200.000-2.000.000	
-	Ủy viên Thường trực HĐND tặng quà cho tập thể mức cao nhất không quá	Đồng/lần	1.500.000	1.000.000	Chưa quy định	1.500.000	1.000.000	700.000	2.000.000				Bổ sung cho cấp xã; cấp tỉnh, cấp huyện đã được quy định tại NQ số 48/2016
-	Ủy viên Thường trực HĐND tặng quà cho cá nhân mức cao nhất không quá	Đồng/lần	700.000	500.000	Chưa quy định	700.000	500.000	350.000	500.000				
-	Nội dung đề nghị bổ sung												
	- Tặng quà Đại biểu HĐND khi kết thúc nhiệm kỳ, chuyển vùng, nghỉ chế độ.	Đồng/người/nhiệm kỳ	Chưa quy định			2.000.000	1.500.000	1.000.000		3.000.00	2.000.000	1.000.000	Nội dung chi này, một số tỉnh do Thường trực HĐND quyết định

⁹ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Quốc hội không quy định cụ thể mà theo kế hoạch, chương trình công tác. Mức tặng quà trên áp dụng đối với Ủy viên UBTVQH, Chủ tịch HĐND, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội tặng cho tập thể.

¹⁰ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Quốc hội không quy định cụ thể mà theo kế hoạch, chương trình công tác. Mức tặng quà trên áp dụng đối với Ủy viên UBTVQH, Chủ tịch HĐND, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội tặng cho cá nhân.